

# VỀ NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG PHÁP LUẬT ĐỂ GIẢI QUYẾT VỤ TRANH CHẤP THEO PHÁP LỆNH TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

Nguyễn Trung Tín\*

Việc áp dụng pháp luật để giải quyết các tranh chấp mang tính chất dân sự nói chung và các tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại nói riêng là một vấn đề đặt ra không chỉ đối với trọng tài mà còn đối với cả tòa án. Bởi pháp luật chính là cái cân chủ yếu để tòa án và trọng tài ra phán xét (quyết định) về việc liệu bị đơn có phải đáp ứng một phần hay toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn hay không (?).

Song vấn đề đặt ra là áp dụng pháp luật ở đây là áp dụng các quy định pháp luật cụ thể nào: pháp luật thực chất hay pháp luật tố tụng (?); pháp luật của quốc gia tòa án hay pháp luật của quốc gia khác (?); các văn bản pháp luật của quốc gia (hoặc các nguồn pháp luật quốc nội khác của pháp luật quốc gia) hay điều ước quốc tế (?).

Đối với vấn đề thứ nhất (pháp luật thực chất hay pháp luật tố tụng), câu hỏi này hầu như đã được giải quyết. Quan điểm chung về vấn đề này là khi tòa án và trọng tài tiến hành hoạt động tố tụng thì tuân theo pháp luật tố tụng (hình thức), còn khi xác định quyền và nghĩa vụ các bên thì tuân theo pháp luật thực chất<sup>1</sup>.

Đối với vấn đề thứ hai (pháp luật của quốc gia tòa án hay pháp luật của quốc gia khác), việc giải quyết ở các quốc gia có nhiều điểm phức tạp và khác biệt. Những điểm phức tạp được thể hiện ở chỗ đây là vấn đề giải quyết xung đột pháp luật trong tư

pháp quốc tế – một lĩnh vực pháp luật được coi là toán học cao cấp của ngành luật học. Những điểm khác biệt là ở chỗ các quốc gia có chính sách tư pháp quốc tế khác nhau vì dựa vào truyền thống, phong tục, trình độ phát triển ... không giống nhau.

Do vậy, để đưa ra quyết định về việc đối với một trường hợp cụ thể nên áp dụng pháp luật quốc gia tòa án (trọng tài) hay quốc gia khác cần phải dựa vào chính sách giải quyết xung đột pháp luật của quốc gia đó (một phần quan trọng của chính sách tư pháp quốc tế).

Ở đây, với mục đích góp ý nhằm hoàn thiện Pháp lệnh Trọng tài Thương mại năm 2003 (PLTTTM) về vấn đề trên, cho nên chúng tôi không đi sâu vào phân lý luận giải quyết xung đột pháp luật trong tư pháp quốc tế, mà chúng tôi chỉ bàn luận trực tiếp tới các quy định của PLTTTM về vấn đề đề cập.

Theo khoản 1 Điều 7 PLTTTM: “*Đối với vụ tranh chấp giữa các bên Việt Nam, Hội đồng Trọng tài áp dụng pháp luật của Việt Nam để giải quyết tranh chấp*”. Đối chiếu quy định của khoản này với quy định của khoản 2 trong cùng điều luật trên chúng ta có thể đặt một loạt câu hỏi hợp lý ở đây là: thứ nhất, phải chăng quan điểm của các nhà lập pháp ở đây là những vụ tranh chấp dân sự giữa các bên Việt Nam với nhau không thể là các vụ tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài (?); thứ hai, hoặc là kể cả trường hợp có vụ tranh chấp giữa các bên Việt Nam với nhau có yếu tố nước ngoài thì Hội đồng Trọng tài cũng chỉ áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết tranh chấp (?); thứ ba, pháp luật Việt Nam ở đây được hiểu là pháp luật chỉ bao gồm các quy phạm thực chất hay bao gồm cả quy phạm thực chất và cả quy phạm xung đột (?).

Về trường hợp thứ nhất, nếu quan điểm

\* TS. Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

<sup>1</sup> Xem: Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, Một số vấn đề cơ bản về luật quốc tế, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 1994, tr. 234; Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu (Đại học Huế), Giáo trình Tư pháp quốc tế, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội-2004, tr. 55.

của các nhà lập pháp như vậy thì thật không ổn, vì vừa không có cơ sở khoa học<sup>2</sup> và vừa làm cho quy định này mâu thuẫn với quy định tại khoản 4 Điều 2 của Pháp lệnh này<sup>3</sup>.

Về trường hợp thứ hai, cách hiểu như vậy là không có cơ sở khoa học và thậm chí xa lạ với khoa học tư pháp quốc tế của thế giới nói chung và tư pháp quốc tế của Việt Nam nói riêng.

Trong khoa học tư pháp quốc tế, việc áp dụng pháp luật quốc gia toà án (trọng tài hay quốc gia khác phải căn cứ vào sự viện dẫn của quy phạm xung đột pháp luật do chính quốc gia đó xây dựng. Thành tựu phát triển khoa học tư pháp quốc tế và thực tiễn điều chỉnh pháp luật trong lĩnh vực quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài nói chung và các quan hệ thương mại có yếu tố nước ngoài nói riêng của thế giới cho thấy rằng có một số căn cứ để lựa chọn pháp luật quốc gia toà án hay quốc gia nước ngoài đối với các lĩnh vực cụ thể như: trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, căn cứ để lựa chọn là quốc tịch hoặc nơi cư trú của các bên (luật nhân thân); trong lĩnh vực quyền sở hữu – luật nơi có tài sản (lex rei sitae); trong lĩnh vực nội dung hợp đồng – luật mà các bên thoả thuận lựa chọn (lex voluntatis); trong lĩnh vực xác định quy chế riêng của pháp nhân (các vấn đề thuộc năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân, trình tự thành lập và giải thể pháp nhân, đại diện của pháp nhân theo pháp luật, thanh lý tài sản của pháp nhân) – luật quốc tịch của pháp nhân (lex societatis); trong lĩnh vực xác định tính hợp

pháp của hành vi (bao gồm: ký kết hợp đồng hành vi gây thiệt hại, hành vi kết hôn ...) luật nơi thực hiện hành vi (lex loci actus)...<sup>4</sup>.

Về trường hợp thứ ba, theo chúng tôi nếu hiểu pháp luật Việt Nam chỉ bao gồm các quy phạm thực chất thì ở đây phải nêu như vậy (tuy nhiên, nếu hiểu pháp luật Việt Nam ở đây là pháp luật thực chất của Việt Nam để áp dụng với tất cả các tranh chấp giữa các bên Việt Nam với nhau, như chúng tôi đã phân tích ở trường hợp thứ hai, thì đây là điều không chấp nhận được; nếu hiểu pháp luật Việt Nam ở đây là pháp luật bao gồm cả các quy phạm thực chất và cả các quy phạm xung đột của Việt Nam, thì việc quy định như vậy là không cần thiết, bởi khoản 2 của Điều 7 đã nêu rõ rồi (tất nhiên, khoản này cũng có sự khó hiểu và bất hợp lý. Về những điều này chúng tôi sẽ đề cập dưới đây).

Như vậy, phân tích quy định của khoản Điều 7 nêu trên, chúng ta thấy rằng: *vụ tranh chấp giữa các bên Việt Nam* trong hoạt động thương mại có thể là các quan hệ như: quan hệ sở hữu có yếu tố nước ngoài (ví dụ, quan hệ thương mại giữa hai công ty Việt Nam liên quan tới quyền sở hữu đối với tài sản nước ngoài (lĩnh vực quyền sở hữu có yếu tố nước ngoài); quan hệ thương mại giữa cá nhân có quốc tịch Việt Nam liên quan tới việc ký kết hợp đồng ở nước ngoài, nơi thực hiện hợp đồng ở nước ngoài... Vậy thì tại sao ở đây lại quy định là chỉ áp dụng pháp luật Việt Nam (?). Điều này phải chăng là xa lạ với thực tiễn điều chỉnh pháp luật và khoa học pháp lý trong lĩnh vực tư pháp quốc tế. Cách quy định như khoản 1 Điều 7 trên là hoàn toàn loại trừ các trường hợp áp dụng pháp luật nước ngoài đối với các quan hệ mà khoản đó đề cập (trong khi ấy, đối với các vụ việc như vậy mà giải quyết ở toà án Việt Nam thì điều đó không phải như vậy, bởi vì khi đó các toà án Việt Nam phải áp dụng các quy phạm xung đột nếu không có các quy

<sup>2</sup> Xem: Mat-vei-ev G.K., Tư pháp quốc tế, NXB. “Đại học”, Kiev – 1985, Tiếng Nga, tr. 8-10; Trung tâm Đào tạo từ xa (Đại học Huế), Sđd, tr.3-5; Nguyễn Trung Tín, Nguyễn Ngọc Lâm, “Về việc xác định các quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài trong pháp luật Việt Nam”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Số 3/2004, tr. 72-76.

<sup>3</sup> Khoản 4 Điều 2 PLTTTM quy định: “Tranh chấp có yếu tố nước ngoài là tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại mà một bên hoặc các bên là người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài tham gia hoặc căn cứ để xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ có tranh chấp phát sinh ở nước ngoài hoặc tài sản liên quan đến tranh chấp đó ở nước ngoài”

<sup>4</sup> Xem: Mat-vei-ev G.K., Sđd, tr. 57; Trung tâm Đào tạo từ xa (Đại học Huế), Sđd, tr. 233-234.

phạm thực chất trong các điều ước quốc tế)<sup>5</sup>. Khoa học tư pháp quốc tế chỉ ra rằng việc áp dụng pháp luật nước ngoài trong những trường hợp cần thiết khi điều chỉnh các quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài có ý nghĩa to lớn không chỉ trong việc bảo vệ lợi ích chính đáng của các bên, thúc đẩy sự phát triển các quan hệ hợp tác giữa cá nhân, pháp nhân nước ta với cá nhân, pháp nhân nước ngoài mà còn trong việc nâng cao uy tín của trật tự pháp lý nước ta trên trường quốc tế. Một nhà tư pháp quốc tế nổi tiếng của Anh là Tresir đã nhận xét rằng: “Các cơ quan xét xử của một quốc gia cần phải chú ý tới các quy phạm pháp luật của quốc gia khác. Một quốc gia có quyền tài phán tuyệt đối với mọi thành viên, tài sản ở phạm vi lãnh thổ của mình và đối với tất cả các hợp đồng được ký kết tại đó. Quốc gia ấy có thể theo ý mình từ chối áp dụng bất cứ pháp luật của ai ngoài của mình. Tuy nhiên, chính sách đó là bàng quan và thực tế không thể chấp nhận được trong thế giới văn minh hiện nay”<sup>6</sup>.

Khoản 2 Điều 7 đã nêu quy định: “2. Đối với vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài, Hội đồng Trọng tài áp dụng pháp luật do các bên lựa chọn. Việc lựa chọn pháp luật nước ngoài và việc áp dụng pháp luật nước ngoài không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”. Quy định của khoản này cho thấy rằng có hai cách hiểu: hoặc là “vụ tranh chấp giữa các bên Việt Nam” với nhau sẽ không phải là vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài, hoặc là “vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài ở đây” loại trừ những vụ tranh chấp giữa các bên Việt Nam với nhau. Cách hiểu thứ nhất, như chúng tôi đã phân tích ở trên là không thể chấp nhận được. Cách hiểu thứ hai là có thể hiểu được song tính rõ ràng, hợp lý của nó thì cần phải bàn luận.

Theo chúng tôi, quy định này không phù hợp ở ba phương diện: ở *phương diện thứ*

*nhất*, đây là văn bản pháp luật tố tụng mà lại chứa đựng các quy phạm xung đột pháp luật (các quy phạm chỉ ra việc áp dụng quy phạm thực chất để từ đó xác định quyền và nghĩa vụ các bên); ở *phương diện thứ hai*, quy phạm xung đột pháp luật có phân phạm vi quá chung chung, khó hiểu; ở *phương diện thứ ba*, cách quy định về điều bảo lưu trật tự công cộng trong tư pháp quốc tế và việc hội đồng trọng tài quyết định áp dụng pháp luật là rất khó xác định.

*Trước hết, ở phương diện thứ nhất*, ở nước ta trong các văn bản pháp luật đã ban hành và các điều ước quốc tế mà chúng ta đã ký kết và gia nhập đã có ghi nhận các quy phạm xung đột pháp luật về việc áp dụng pháp luật Việt Nam hay pháp luật nước ngoài để điều chỉnh các quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài nói chung và quan hệ thương mại có yếu tố nước ngoài nói riêng. Việc ghi nhận các quy phạm xung đột trong các văn bản thuộc lĩnh vực tố tụng như vậy vừa là thừa vừa là không chấp nhận được xét về tính chất hệ thống văn bản pháp luật.

*Ở phương diện thứ hai*, phân phạm vi là quá chung chung, khó hiểu. Bởi vì, như đã phân tích ở trên các quy phạm xung đột pháp luật dựa vào các căn cứ khác nhau (trong đó có căn cứ thoả thuận của các bên) để chọn pháp luật của quốc gia có toà án (trọng tài) hay của quốc gia nước ngoài để điều chỉnh các vấn đề khác nhau đối với một vụ tranh chấp. Ví dụ, về một vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài được trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết, hội đồng trọng tài phải xác định pháp luật đối với một loạt các vấn đề có thể như: tư cách pháp lý các bên (ví dụ: quy chế riêng của pháp nhân); quyền sở hữu đối với tài sản; hình thức hợp đồng, nội dung hợp đồng, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng...). Đối với tất cả các vấn đề như vậy mà áp dụng pháp luật do các bên lựa chọn như đã phân tích ở trên thì có phải là quá xa lạ với khoa học tư pháp quốc tế chăng (?).

*Ở phương diện thứ ba*, cụm từ “Việc lựa chọn pháp luật nước ngoài và việc áp dụng pháp luật nước ngoài không được trái với các

<sup>5</sup> Xem: Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, Sđd, tr. 204-205; Trung tâm Đào tạo từ xa (Đại học Huế), Sđd, tr. 39-41.

<sup>6</sup> Xem: Tresir Nort, Giáo trình Tư pháp quốc tế, NXB. “Đánh bọ”, Mat-xcơ-va - 1982, Tiếng Nga, tr. 17-18.

nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” là rất khó hiểu<sup>7</sup>.

Trong thực tế, các quy định của pháp luật các quốc gia trên thế giới trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật một quốc gia nào đó là rất nhiều. Song trong lĩnh vực tư pháp quốc tế của nhiều quốc gia đều quy định rằng hậu quả của việc áp dụng các quy định này mà mâu thuẫn với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật các quốc gia đó thì khi ấy các quy định của pháp luật nước ngoài trên mới không được áp dụng. Về điều này, chúng ta có thể lấy ví dụ cụ thể trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình. Chẳng hạn, chế độ đa thê trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc gia, nơi ghi nhận chế độ một vợ, một chồng, song trong nhiều trường hợp khi giải quyết các vụ việc thừa kế, sự công nhận tính hợp pháp của các cuộc hôn nhân đa thê đó theo pháp luật nước ngoài lại là cơ sở pháp luật cần thiết để bảo vệ lợi ích của các đứa trẻ được sinh ra từ các cuộc hôn nhân ấy. Hay vào thời kỳ kinh tế tập trung bao cấp, thời kỳ “chiến tranh lạnh” các quy định pháp luật về quyền sở hữu ở các nước tư bản và các nước xã hội chủ nghĩa thường là mâu thuẫn với các nguyên tắc cơ bản trong hệ thống pháp luật của nhau. Bởi vì, vào thời đó, hình thức sở hữu tư bản, tư nhân đối với tư liệu sản xuất chính bị các nước xã hội chủ nghĩa coi là nguồn gốc sinh ra sự xấu xa – người bóc lột người; trong khi đó, các nước tư bản thì coi các hình thức sở hữu được ghi nhận ở các nước xã hội chủ nghĩa là cái gì đó làm kìm hãm sự phát triển của sản xuất, là sự tước đoạt quyền sở hữu tư nhân không thể chấp nhận được. Tuy nhiên, ngay cả vào thời kỳ đó trong lĩnh vực quyền sở hữu có yếu tố nước ngoài trong quan hệ thương mại giữa các cá nhân và pháp nhân thuộc các quốc gia trên, người ta cũng không áp dụng điều bảo lưu trật tự công cộng theo cách thức là việc áp dụng pháp luật mâu thuẫn với các nguyên

tắc cơ bản. Bởi một điều đơn giản là quan hệ thương mại quốc tế sẽ không tồn tại được nếu người mua không thừa nhận quyền sở hữu hợp pháp của người bán đối với tài sản (hàng hoá) mà mình muốn mua.

Bởi vậy, việc quy định về điều bảo lưu trật tự công cộng cần được sửa đổi theo hướng là không áp dụng pháp luật nước ngoài nếu hậu quả của việc áp dụng mâu thuẫn với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam<sup>8</sup>.

Theo chúng tôi, các quy định về điều bảo lưu trật tự công cộng, dẫn chiếu ngược dẫn chiếu tới nước thứ ba, lẫn tránh pháp luật trong tư pháp quốc tế và việc áp dụng pháp luật nước ngoài (trách nhiệm xác định, cách thức áp dụng) cần được ghi nhận trong Bộ luật Dân sự nước ta (vì đây là các quy định chung về chính sách tư pháp quốc tế của một quốc gia), chứ không phải là quy định trong văn bản pháp luật về trọng tài.

Kinh nghiệm điều chỉnh pháp luật và thực tiễn giải quyết các tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài bằng con đường trọng tài trên thế giới cho thấy rằng, về việc xác định nguyên tắc áp dụng pháp luật đó với nội dung vụ tranh chấp (vấn đề về quyền và nghĩa vụ các bên), con đường trọng tài khác con đường toà án ở chỗ, trọng tài cho phép các bên chọn luật thực chất của bất kỳ quốc gia nào mà các bên muốn, trong khi đó toà án chỉ chọn luật trên cơ sở các quy phạm xung đột pháp luật. Tuy nhiên, nếu các bên không chọn thì việc giải quyết vấn đề trên của trọng tài và toà án đều giống nhau là dựa trên cơ sở các quy phạm xung đột pháp luật về các tranh chấp dân sự theo nghĩa rộng, có yếu tố nước ngoài mà toà án và trọng tài cho là “thích hợp”. Thuật ngữ “thích hợp” ở đây cần được hiểu là theo sự chỉ dẫn của quy phạm xung đột pháp luật của quốc gia mà toà án và trọng tài có quốc tịch. Và, đối với

*(Xem tiếp trang 72)*

<sup>7</sup> Xem: Nguyễn Bá Chiến, “Nguyên tắc bảo lưu trật tự công cộng trong việc áp dụng pháp luật nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Số 5/2004, tr. 61- 66.

<sup>8</sup> Xem: Nguyễn Trung Tín, “Mấy ý kiến về các quy định chung của Phần VII Bộ luật Dân sự năm 1999 “Quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài””, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Số 2/2004, tr. 69.

quyết khi có đơn khởi kiện và chỉ giải quyết trong phạm vi khởi kiện của đương sự.

Nhìn góc độ khác, không phải chỉ là chuyện câu chữ, cách diễn đạt, nhà làm luật cần thấy một thực tế rằng, những mục tiêu tốt đẹp mà nhà làm luật muốn đưa đến cho người dân từ những văn bản pháp luật, đôi khi vô tình trở thành trở ngại cho người dân tiếp cận với nền công lý, theo kiểu “thương nhau như thế bằng mười hại nhau”, mà trường hợp của bà Liên chỉ là một trong nhiều ví dụ. Trong bối cảnh đội ngũ cán bộ còn phải tăng cường hơn nữa về chất lượng, sự làm việc còn kém hiệu quả của các cơ

quan thực thi và bảo vệ pháp luật, trong đó có chính quyền cơ sở, cơ chế làm việc còn chưa rõ ràng, nếu câu toàn quá, đặt ra nhiều giới thiết quá thì mọi việc có thể sẽ trở nên rườm rà. Có lẽ nhà làm luật cần có sự lựa chọn các biện pháp bảo vệ quyền lợi cho người dân theo hướng đơn giản nhất và đơn giản nhất. Ví dụ như trường hợp lựa chọn phương án bảo vệ quyền lợi cho người dân trong các tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, chỉ nên lựa chọn phương án khởi kiện ra Tòa án. Việc hòa giải ở xã, phường, cơ sở chỉ là khuyến khích, không phải là bắt buộc.

*(Tiếp theo trang 22 - Về nguyên tắc áp ...)*

tranh chấp dân sự theo nghĩa rộng cả không có yếu tố nước ngoài và cả có yếu tố nước ngoài, cả toà án và cả trọng tài, trong mọi trường hợp, đều phải giải quyết các tranh chấp ấy trên cơ sở các điều khoản của hợp đồng mà các bên thoả thuận (tất nhiên, trừ

trường hợp thoả thuận ấy là phi pháp). Bởi vì, đó chính là cơ sở mà các bên đã căn cứ dựa vào để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình và tranh chấp giữa các bên cũng xoay quanh việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ đó có phù hợp với cam kết của họ với nhau hay không (?)<sup>9</sup>.

<sup>9</sup> Luật Mẫu của Ủy ban Liên hợp quốc về Trọng tài Thương mại quốc tế (Điều 28) quy định: 1. Trọng tài giải quyết tranh chấp theo đúng quy tắc pháp luật do các bên thoả thuận lựa chọn để có thể áp dụng về nội dung của tranh chấp. Trừ phi có chỉ dẫn rõ ràng là trái ngược, pháp luật mà các bên chọn ở đây là pháp luật thực chất chứ không phải pháp luật xung đột; 2. Nếu các bên không lựa chọn, trọng tài áp dụng pháp luật mà trọng tài cho là thích hợp; 3. Trọng tài phán xử theo sự công bằng và thiện ý hoặc với tư cách là người hoà giải chỉ khi nào cả hai bên cho phép một cách rõ ràng; Trong mọi trường hợp trọng tài quyết định theo đúng các điều khoản của hợp đồng và có tính tới thông lệ thương mại được áp dụng trong giao dịch đó.

Tương tự như Luật Mẫu trên, Luật Liên bang Nga về Trọng tài Thương mại quốc tế (Điều 28) cũng quy định Trọng tài khi giải quyết tranh chấp sẽ áp dụng pháp luật thực chất của quốc gia mà các bên lựa chọn để giải quyết thực chất vụ việc; trong trường hợp các bên không lựa chọn, trọng tài áp dụng pháp luật trên cơ sở các quy phạm xung đột mà trọng tài cho là thích hợp; Trong mọi trường hợp trọng tài ra quyết định trên cơ sở các điều khoản của hợp đồng có tính tới các tập quán thương mại thông dụng đối với hợp đồng đó.